

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày 23/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Một.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Chí Sang.

2. Bà Phan Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông Phan Duy Công - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo: Trần Ngọc T1; giới tính: Nam; sinh ngày 14/02/1995 tại huyện B, tỉnh Quảng Nam; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn 4, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Ca dong; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Hải T, sinh năm 1969 và bà Trần Thị T, sinh năm: 1975; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con đầu; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 15/8/2024 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Người bị hại:

+ Anh Hồ Văn T2, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Trú tại: thôn 5, xã P, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1991. Vắng mặt.

Trú tại: số 102 đường H, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Trà Phước Đ, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Trú tại: số 240 đường Võ Nguyên G, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

4. Người làm chứng:

- Anh Hồ Văn D, sinh năm 2003. Vắng mặt.

- Anh Đinh Văn L, sinh năm 2003. Vắng mặt.

Cùng trú tại: thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Trú tại: khối phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

5. Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T1: ông Lương Đình N– Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2020, Trần Ngọc T1 đến làm việc tại Công trình thủy điện Sông Tranh 4 ở xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình làm việc, Trần Ngọc T1 có quen biết và ở cùng với anh Hồ Văn T2 và một số công nhân cùng làm tại công trình.

Ngày 20/3/2020, Trần Ngọc T1 mượn của anh T2 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 92P1-023.14 để về nhà tại huyện B thì anh T2 đồng ý và giao xe cho T. Trên đường đi về nhà, T nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô này để lấy tiền tiêu xài. Trần Ngọc T1 điều khiển xe mô tô đến tiệm cầm đồ Đức Dũng trên đường H thuộc thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam thì gặp anh Nguyễn Đức D là chủ tiệm. Trần Ngọc T1 cầm xe mô tô của anh T2 lấy 5.000.000 đồng. T gửi lại anh Dũng số tiền 450.000 đồng tiền lãi một tháng, số tiền còn lại T mang đi tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 22/3/2020, anh T2 gọi điện cho T để đòi lại xe mô tô thì T hẹn đến ngày 05/5/2020 sẽ mang xe trả cho anh T2 nhưng T không trả. Sau đó, anh T2 nhiều lần gọi điện, nhắn tin nhưng T không trả lời. Đồng thời, Trần Ngọc T1 tắt nguồn điện thoại, hủy sim điện thoại và đi làm ăn tại nhiều nơi khác nhau nhằm trốn tránh việc trả xe lại cho anh Hồ Văn T2. Ngày 09/6/2020, không thấy T đến nhận lại xe mô tô đã cầm, nên anh Nguyễn Đức D đã bán lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92P1-023.14 cho anh Trà Phước Đ với số tiền 5.000.000 đồng. Ngày 26/6/2020, anh Hồ Văn T2 đến Cơ quan CSĐT Công an huyện H để trình báo sự việc.

Đến ngày 15/8/2024, Trần Ngọc T1 đến Công an huyện H để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

* Tại Kết luận định giá số 17/KL-HĐĐG ngày 04/7/2020 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện H kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen đỏ, biển kiểm soát 92P1-023.14 có giá trị 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 05/9/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T1 về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Ngọc T1 phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 từ 09 đến 12 tháng tù.

Về dân sự: Bị hại là anh Hồ Văn T2 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô Yamaha hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 92P1-02314, số khung C630CY684373, số máy 5C63684422;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0001629 do Hồ Văn T2 đứng tên.

Ngày 27/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại 01 xe mô tô Yamaha hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 92P1-023.14, số khung C630CY684373, số máy 5C63684422 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0001629 cho anh Hồ Văn T2.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T1 trình bày luận cứ bào chữa: Người bào chữa thống nhất với tội danh mà cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Trần Ngọc T1. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 175, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) xử cho bị cáo được hưởng án treo và đề nghị miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng có lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng được triệu tập hợp lệ vắng mặt nhưng lời khai của họ đã được thể hiện tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người này.

[2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại, người quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội:

Ngày 20/3/2020, tại thôn P, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam Trần Ngọc T1 mượn xe mô tô biển kiểm soát 92P1-023.14 của anh Hồ Văn T2 để về nhà tại huyện B. Tuy nhiên, sau khi mượn được tài sản, T1 đã cầm xe mô tô cho anh Nguyễn Đức D lấy 5.000.000 đồng dùng để tiêu xài cá nhân. Sau đó, T1 tắt nguồn, hủy sim điện thoại và đi làm ăn tại nhiều nơi nhằm trốn tránh việc trả lại tài sản cho anh Hồ Văn T2. Tổng giá trị thiệt hại là 7.500.000 đồng. Do đó, cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến

tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện nên cần phải xử phạt thích đáng để giáo dục bị cáo và răn đe chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản phạm tội đã được thu hồi trả lại cho bị hại, khi hành vi của mình bị phát hiện và biết Công an đang truy tìm thì bị cáo đã đến Công an huyện H đầu thú, bị cáo là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản gì. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Hồ Văn T2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

Riêng anh Trà Phước Đ yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 8.500.000 đồng. HĐXX xét thấy, anh Trà Phước Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên tách phần yêu cầu bồi thường của anh Trà Phước Đ để giải quyết bằng một vụ kiện riêng khi có yêu cầu.

[7] Về vật chứng: Ngày 27/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại 01 xe mô tô Yamaha hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 92P1-023.14, số khung C630CY684373, số máy 5C63684422 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0001629 cho anh Hồ Văn T2 nên HĐXX không xét.

[8] Đối với hành vi cầm đồ lấy lãi 450.000 đồng một tháng của Nguyễn Đức D, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã chuyển T tin vi phạm pháp luật đến Công an huyện B, tỉnh Quảng Nam để giải quyết theo thẩm quyền.

[9] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nên căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xét miễn toàn bộ phần án phí hình sự cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T1 phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 15/8/2024.

2. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ phần án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Ngọc T1.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/9/2024). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Nam (PV06);
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan điều tra Công an huyện H;
- Văn phòng Công an huyện H;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Một